

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ
Tháng 8 năm 2026

	Tháng 8 năm 2026 so với:				%
	Kỳ gốc 2024	Tháng 8 năm 2025	Tháng 12 năm 2025	Tháng 7 năm 2026	Bình quân 8 tháng năm 2026 so cùng kỳ năm 2025
Chỉ số giá tiêu dùng	110,94	105,19	104,13	100,53	104,08
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,46	105,90	103,29	100,62	104,55
Trong đó: Lương thực	98,31	102,31	100,33	100,72	100,77
Thực phẩm	109,36	106,08	102,57	100,71	105,04
Ăn uống ngoài gia đình	113,61	108,52	108,55	100,16	105,84
Đồ uống và thuốc lá	103,97	103,72	102,50	100,29	102,65
May mặc, mũ nón và giày dép	104,26	103,71	102,50	99,92	103,66
Nhà ở và vật liệu xây dựng	127,98	103,62	104,96	98,93	104,55
Thiết bị và đồ dùng gia đình	108,19	105,05	104,12	100,03	104,26
Thuốc và dịch vụ y tế	110,78	101,70	101,14	100,00	101,34
Trong đó: Dịch vụ y tế	113,97	100,01	100,01	100,00	100,01
Giao thông	102,67	107,54	108,27	104,25	104,24
Bưu chính viễn thông	101,75	101,42	102,19	99,95	99,25
Giáo dục	108,00	103,81	100,39	100,07	103,67
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	109,14	103,80	100,00	100,00	103,80
Văn hoá, giải trí và du lịch	112,52	110,93	110,19	100,29	106,48
Hàng hóa và dịch vụ khác	114,96	108,31	107,21	100,33	105,11
Chỉ số giá vàng	178,03	118,57	93,47	101,25	143,46
Chỉ số giá đô la Mỹ	105,24	99,99	99,90	99,67	102,15